TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

2/ Bà **Tạ Thị Nhuần**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Mộng T**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn Bé B**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/10/2014. Trong thời gian sống chung với nhau do quan điểm và lối sống khác nhau nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn không

giải quyết được, anh L thường xuyên chửi và đánh chị, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không chung sống với nhau được nữa. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện chị T có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T, xử cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về án phí: buộc nguyên đơn nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Bé B vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Bé B đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/01/2018. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Mộng T và anh Nguyễn Văn L thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 124 vào ngày 09/10/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh L thường phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2017 đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì, sự việc cũng được gia đình nhiều lần hòa giải nhưng chị T và anh L vẫn không thể hàn gắn chung sống với nhau được và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Mộng T phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Mộng T. Xử cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Mộng T nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai

thu số 0014177 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, chị T không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Văn Năm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh
(Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 09/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.